

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

I TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 ĐIỂM)

Câu 1. Ở In-đô-nê-xi-a, từ cuối thế kỉ XVI, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

- A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô. B. Hoàng thân Si-vô-tha.
C. Đa-ga-hô. D. A-cha-xoa.

Câu 2. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Phi-líp-pin diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

- A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô. B. Hoàng thân Si-vô-tha.
C. Đa-ga-hô. D. A-cha-xoa.

Câu 3. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân Phi-líp-pin nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp.
C. thực dân Tây Ban Nha. D. thực dân Hà Lan.

Câu 4. Một trong những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Cam-pu-chia chống lại ách cai trị của thực dân Pháp là khởi nghĩa của

- A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô. B. Hoàng thân Si-vô-tha.
C. Đa-ga-hô. D. A-cha-xoa.

Câu 5. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp.
C. thực dân Tây Ban Nha. D. thực dân Hà Lan.

Câu 6. Nguyên nhân quyết định khiến thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884) là

- A. quân Pháp từ xa đến, không quen khí hậu, địa hình Việt Nam.
B. quan quân triều đình nhà Nguyễn có chiến thuật đánh Pháp độc đáo.
C. triều đình nhà Nguyễn kiên định lãnh đạo nhân dân kháng chiến.
D. Pháp vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

Câu 7. Quá trình đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân các nước Đông Nam Á có điểm giống nhau cơ bản về

- A. mục đích đấu tranh. B. thời điểm diễn ra.
C. hình thức đấu tranh. D. lực lượng lãnh đạo.

Câu 8. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, tại Đông Nam Á, phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng tư sản diễn ra sớm nhất ở

- A. Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào. B. Thái Lan, Việt Nam, Lào.
C. In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-líp-pin. D. Phi-líp-pin, Thái Lan, Việt Nam.

Câu 9. Trong những năm 1920 - 1939, nhân dân các dân tộc Đông Nam Á tiếp tục cuộc đấu tranh chống chính sách cai trị, bóc lột thuộc địa của các nước thực dân phương Tây với hai hình thức là

- A. bãi công và cải cách ôn hòa. B. biểu tình và tổng bãi công chính trị.
C. bất bạo động và bất hợp tác. D. cải cách ôn hòa và bạo động vũ trang.

Câu 10. Mục tiêu đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á trong những năm 1940 - 1945 là

- A. chống thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc.
B. đánh Pháp, đuổi Nhật, lật đổ chế độ phong kiến.
C. chống ách cai trị và xâm lược của quân phiệt Nhật.
D. chống phong kiến tay sai, giành ruộng đất cho dân cày.

Câu 11. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, mâu thuẫn bao trùm trong xã hội Đông Nam Á là mâu thuẫn giữa

- A. nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược. B. giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.

C. giai cấp tư sản với chính quyền thực dân. D. giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Câu 12. Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, Chính phủ Bru-nây thi hành chính sách

- A. phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- B. cải cách đất nước, lấy đổi mới về chính trị làm trọng tâm.
- C. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. đa dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 13. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh.
- B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
- C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
- D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 14. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

- A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
- B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.
- C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 15. Việt Nam được coi là “cầu nối” giữa Trung Quốc với khu vực nào?

- A. Đông Bắc Á. B. Đông Nam Á. C. Tây Nam Á. D. Nam Á.

Câu 16. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

- A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
- B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
- C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
- D. tình hình văn hóa - xã hội của quốc gia.

Câu 17. Nhân vật lịch sử nào nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau đây?

“Đố ai trên Bạch Đằng giang,

Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời,

Phá quân Nam Hán tời bờ,

Gươm thần độc lập giữa trời vang lên?”

- A. Lê Hoàn. B. Ngô Quyền. C. Trần Hưng Đạo. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng ở Việt Nam (năm 938)?

- A. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến, không thông thạo địa hình.
- B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.
- C. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.
- D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.

Câu 19. Người đã chỉ huy nhân dân Đại Cồ Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 là

- A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Lê Hoàn. C. Ngô Quyền. D. Lý Công Uẩn.

Câu 20. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê kết thúc thắng lợi là bởi

- A. quân dân Đại Cồ Việt đã chiến đấu anh dũng.
- B. Lê Hoàn đề nghị giảng hòa để giảm bớt hao tổn.
- C. nhà Tống bị hao tổn binh lực nên chủ động rút quân.
- D. nhà Tống nhận thấy việc xâm lược Đại Việt là phi nghĩa.

Câu 21. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để

- A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp. B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.
- C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc. D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 22. Lý Thường Kiệt chọn khúc sông Như Nguyệt làm phòng tuyến chặn quân Tống xâm lược vì dòng sông này

- A. nằm ở ven biển có thể chặn giặc từ biển vào.
- B. là biên giới tự nhiên ngăn cách Đại Việt và Tống.
- C. chặn ngang con đường bộ để tiến vào Thăng Long.
- D. là con đường thủy duy nhất để tiến vào Đại Việt.

Câu 23. Khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long (năm 1258), vua Trần đã chỉ đạo nhân dân thực hiện chủ trương

- A. kiên quyết chống trả để bảo vệ Kinh đô. B. “Vườn không nhà trống”.
C. tấn công trước để chặn thế mạnh của giặc. D. đầu hàng quân giặc để tránh tổn thất.

Câu 24. Tác giả của câu nói: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” là

- A. Trần Bình Trọng. B. Trần Thủ Độ. C. Trần Quốc Tuấn. D. Trần Khánh Dư.

Câu 25. Nguyễn Huệ lựa chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm nơi quyết chiến với quân Xiêm, vì

- A. nơi này là biên giới tự nhiên ngăn cách lãnh thổ Việt - Xiêm.
B. đoạn sông này chắn ngang mọi con đường tiến vào Thăng Long.
C. quân Xiêm chỉ tiến sang xâm lược Đại Việt theo con đường thủy.
D. nơi này có địa thế hiểm trở, phù hợp cho bố trí trận địa mai phục.

Câu 26. Nguyên nhân chủ quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.
B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.
C. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
D. Quân giặc không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt.

Câu 27. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

- A. Không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân.
B. Không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.
C. Không có vũ khí hiện đại, thành lũy kiên cố.
D. Nhân dân bị khuất phục trước sức mạnh của giặc.

Câu 28. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ của người Việt dưới thời Bắc thuộc?

- A. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan. B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
C. Khởi nghĩa Phùng Hưng. D. Khởi nghĩa Bà Triệu.

Câu 29. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã

- A. giành và giữ được chính quyền độc lập trong khoảng 60 năm.
B. thắng lợi, lật đổ ách cai trị của nhà Ngô, giành độc lập dân tộc.
C. chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.
D. thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí anh hùng của phụ nữ Việt Nam.

Câu 30. Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập ra nhà nước

- A. Vạn An. B. Đại Nam. C. Đại Việt. D. Vạn Xuân.

Câu 31. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian dưới đây?

“Lấy Dạ Trạch làm nơi kháng chiến,

Mơ ngày về đánh chiếm Long Biên

Nhiều năm kham khổ liên miên

Hỏi ai ngang dọc khắp miền sậy lau?”

- A. Mai Thúc Loan. B. Triệu Thị Trinh. C. Triệu Quang Phục. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 32. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43) và khởi nghĩa Lý Bí (542 - 603) đều

- A. giành và giữ được chính quyền độc lập trong gần 60 năm.
B. diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến.
C. giành thắng lợi, khôi phục được nền độc lập của người Việt.
D. chống lại ách cai trị hà khắc, tàn bạo của nhà Lương.

Câu 33. Tháng 10/1427, khi Liễu Thăng dẫn quân Minh ồ ạt tiến vào Việt Nam, chúng đã bị nghĩa quân Lam Sơn phục kích và giết ở đâu?

- A. Nam Quan. B. Đông Quan. C. Chi Lăng. D. Vân Nam.

Câu 34. Đến giữa năm 1774, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ được một vùng rộng lớn từ

- A. Quảng Nam đến Bình Thuận. B. Bình Thuận đến Gia Định.
C. Quảng Nam đến Gia Định. D. Phú Xuân đến Gia Định.

Câu 35. Thắng lợi của quân Tây Sơn trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Mãn Thanh (1789) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giành lại chính quyền tự chủ từ tay quân Thanh.
- B. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
- C. Tạo điều kiện cho sự thống nhất quốc gia.
- D. Bảo vệ được nền độc lập của đất nước.

Câu 36. Với việc đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh, Nguyễn, phong trào Tây Sơn đã có đóng góp gì cho lịch sử dân tộc?

- A. Hoàn thành việc thống nhất đất nước sau nhiều thế kỉ bị chia cắt.
- B. Xóa bỏ sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, bước đầu thống nhất đất nước.
- C. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.
- D. Thiết lập vương triều mới (Tây Sơn) tiến bộ hơn chính quyền Lê - Trịnh, Nguyễn.

Câu 37. Từ nửa sau thế kỉ XIV, nhà Trần

- A. được thành lập.
- B. bước vào giai đoạn phát triển đỉnh cao.
- C. lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
- D. sụp đổ.

Câu 38. Từ những năm 40 của thế kỉ XIV, dưới triều Trần, các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì diễn ra liên tục ở nhiều vùng miền trên cả nước, tiêu biểu là

- A. khởi nghĩa của Ngô Bệ ở Hải Dương.
- B. khởi nghĩa của Phùng Hưng ở Đường Lâm.
- C. khởi nghĩa của Mai Thúc Loan ở Hoan Châu.
- D. khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh ở Thanh Hóa.

Câu 39. Từ những năm 40 của thế kỉ XIV, dưới triều Trần, các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì diễn ra liên tục ở nhiều vùng miền trên cả nước, tiêu biểu là

- A. khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai.
- B. khởi nghĩa của Phùng Hưng ở Đường Lâm.
- C. khởi nghĩa của Mai Thúc Loan ở Hoan Châu.
- D. khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh ở Thanh Hóa.

Câu 40. Nội dung nào sau đây phản ánh sự suy yếu về chính trị của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Nhà Trần bất lực trước các yêu sách ngang ngược của nhà Minh.
- B. Chính quyền trung ương tê liệt; đất nước bị chia cắt, loạn lạc.
- C. Nhà Trần phải thần phục, cống nạp sản vật cho Chân Lạp.
- D. Nhà Minh xâm lược và áp đặt ách đô hộ lên Đại Việt.

Câu 41. Một trong những chính sách cải cách trên lĩnh vực kinh tế của Hồ Quý Ly là

- A. ban hành tiền đồng thay thế cho tiền giấy.
- B. phát hành tiền đồng “Thái Bình hưng bảo”.
- C. ban hành tiền giấy thay thế cho tiền đồng.
- D. phát hành tiền giấy “Việt Nam đồng”.

Câu 42. Năm 1396, Hồ Quý Ly đã cho thực hiện chính sách nào sau đây?

- A. Ban hành tiền giấy “thông bảo hội sao”.
- B. Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.
- C. Đặt phép hạn điền, nhằm hạn chế sở hữu ruộng tư.
- D. Chính sách hạn nô; kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

Câu 43. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách cải cách trên lĩnh vực kinh tế của Hồ Quý Ly?

- A. Ban hành chính sách hạn nô.
- B. Ban hành chính sách hạn điền.
- C. Phát hành tiền “Thái Bình hưng bảo”.
- D. Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

Câu 44. Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn điền và hạn nô nhằm mục đích gì?

- A. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.
- B. Hạn chế thế lực của quý tộc Trần.
- C. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.
- D. Thúc đẩy thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 45. Chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly được hiểu là việc

- A. khuyến khích nhân dân đi khai hoang lập ấp.
- B. cho phép quý tộc lập các điền trang rộng lớn.
- C. hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.

D. cho phép vương hầu, quý tộc mộ dân đi khai hoang.

Câu 46. Cuối năm 1397, Hồ Quý Ly ép vua Trần rời đô từ Thăng Long về

A. Phong Châu (Phú Thọ).

B. Tây Đô (Thanh Hóa).

C. Phú Xuân (Huế).

D. Thiên Trường (Nam Định).

Câu 47. Trên lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

A. chú trọng Phật giáo, hạn chế Nho giáo.

B. dịch sách từ chữ Nôm sang chữ Hán.

C. đề cao và khuyến khích dùng chữ Nôm.

D. nâng Phật giáo lên vị trí Quốc giáo.

Câu 48. Trên lĩnh vực chính trị, những cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

A. góp phần củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

B. góp phần tăng cường thế lực của tầng lớp quý tộc họ Trần.

C. đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ lập hiến.

D. xâm phạm đến sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 49. Năm 1460, Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh

A. tình hình đất nước từng bước ổn định.

B. nhà Lê lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

C. nhà Minh đang lăm le xâm lược Đại Việt.

D. nhà Lê đang ở thời kì phát triển đỉnh cao.

Câu 50. Bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội của Đại Việt vào giữa thế kỉ XV đã đặt ra yêu cầu tiến hành cải cách nhằm

A. nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

B. tăng cường tiềm lực đất nước để đánh bại giặc Minh xâm lược.

C. tăng cường quyền lực của hoàng đế và nâng cao vị thế đất nước.

D. tăng cường sức mạnh để chống lại cuộc tấn công của Chăm-pa.

Câu 51. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng những chính sách cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?

A. Hoàn thiện hệ thống các cơ quan chuyên môn.

B. Tăng cường quyền lực cho các quan đại thần.

C. Đặt thêm Lục khoa để hỗ trợ và giám sát Lục bộ.

D. Tuyển chọn quan lại thông qua hình thức khoa cử.

Câu 52. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, trong bộ máy chính quyền ở mỗi đạo thừa tuyên, Đô ty là cơ quan chuyên trách về

A. quân sự.

B. dân sự.

C. tư pháp.

D. kinh tế.

Câu 53. Năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã cho biên soạn và ban hành bộ luật nào?

A. Quốc triều hình luật.

B. Luật Gia Long.

C. Hình thư.

D. Hoàng triều luật lệ.

Câu 54. Bộ Quốc Triều hình luật dưới thời Lê sơ còn có tên gọi khác là

A. Luật Gia Long.

B. Hình thư.

C. Hoàng Việt luật lệ.

D. Luật Hồng Đức.

Câu 55. “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ?... Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải chu di”. Lời căn dặn trên của vua Lê Thánh Tông phản ánh điều gì?

A. Quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê.

B. Chính sách ngoại giao mềm dẻo của triều Lê sơ.

C. Quyết tâm gìn giữ nền độc lập dân tộc của nhà Lê.

D. Chính sách đại đoàn kết dân tộc của nhà Lê sơ.

Câu 56. Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật là

A. gia tăng hình phạt đối với người phạm tội là trẻ nhỏ hoặc người tàn tật.

B. đề cao tuyệt đối địa vị của nam giới, phụ nữ không có quyền lợi gì.

C. bảo vệ những người yếu thế trong xã hội (phụ nữ, trẻ em, người tàn tật,...).

D. xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc tuổi còn nhỏ.

Câu 57. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất làm bổng lộc cho quý tộc, quan lại cao cấp từ tứ phẩm trở lên được gọi là

A. quân điền.

B. lộc điền.

C. phúc điền.

D. thọ điền.

